

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 48/2019/HS - ST
Ngày: 08/10/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kiên Cường** và ông **Hà Văn Tiến**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Mai Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2019/TLST - HS, ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST – HS, ngày 24 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Văn V** - sinh ngày 07/9/1977 tại Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT: tổ 8, phường N, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Xuân T (đã chết) và bà Phạm Thị H; có vợ là: Hoàng Thị H và 02 (hai) con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Hoàng Văn V sinh ra và lớn lên tại Bắc Kạn, được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 8 thì nghỉ học lao động tự do. Năm 2003 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 (mười hai) tháng theo Quyết định số 55/QĐ – UB, ngày 23/01/2003 của UBND thị xã BK, đến ngày 15/01/2004 trở về địa phương sinh sống.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Hoàng Đình T** - sinh ngày 30/9/1974 tại Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT: tổ 8, phường N, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con

ông: Hoàng Duy B và bà Dương Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Hoàng Đình T sinh ra và lớn lên tại Bắc Kạn, được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 12 thì nghỉ học lao động tự do.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ ngày 06/4/2019 tại khu vực tổ N, phường X, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Công an thành phố Bắc Kạn bắt quả tang Hoàng Đình T và Hoàng Văn V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác kiểm tra và thu giữ của Hoàng Đình T gồm: 01 gói được gói bằng gói nilon màu trắng, bên trong tiếp tục được gói bằng nilon màu đen bên trong chứa chất bột màu trắng tại túi áo khoác bên trái T đang mặc, niêm phong vào phong bì A1; thu giữ tại túi quần đằng trước bên phải T đang mặc 01 gói chứa chất bột màu trắng được gói bằng giấy một mặt kim loại màu vàng, một mặt màu trắng, niêm phong vào phong bì A2 và thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đỏ đen, bên trong lắp 01 sim, đã qua sử dụng. Tiến hành kiểm tra đối với Hoàng Văn V tổ công tác thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBIISTAR màu đen bên trong lắp 01 sim, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô AIRBLADE màu đỏ đen BKS 97B1 - 28394, xe đã qua sử dụng kèm chìa khóa xe.

Ngày 07/4/2019, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn V và Hoàng Đình T, kết quả khám xét không thu giữ gì.

Cơ quan điều tra tiến hành cân xác định khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ được của Hoàng Đình T. Số chất bột màu trắng trong phong bì A1 có khối lượng 3,36g (Ba phẩy ba sáu gam), niêm phong vào phong bì M1, phong bì bao gói cũ niêm phong vào phong bì M2. Số chất bột màu trắng trong phong bì A2 có khối lượng 0,05g (Không phẩy không năm gam), niêm phong vào phong bì M3, phong bì bao gói cũ niêm phong vào phong bì M4. Các phong bì M1, M3 Cơ quan điều tra gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Đình T và Hoàng Văn V khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 06/4/2019, V gọi điện thoại cho T rủ T cùng đi thành phố TN để mua ma túy về sử dụng, V nói sau khi mua được ma túy sẽ cho T cùng sử dụng và T đồng ý. Sau đó, Hoàng Văn V mượn xe mô tô BKS 97B1 - 283.94 của chị Lương Thị L - sinh năm 1979, trú tại: tổ 2, phường S, thành phố BK - là người quen của V, chở T đi thành phố TN. Khi đến khu vực phường Q, thành phố TN, T ngồi uống nước còn V đi đến

một cái ngõ nhỏ cách đó khoảng 20 mét. Tại đây, V gặp một người đàn ông không quen biết và mua với người đàn ông này 01 gói ma túy với số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền mua ma túy là của Hoàng Văn V. Sau khi mua được ma túy, V quay lại quán nước đón T, vì V là người điều khiển xe nên V đưa gói ma túy cho T cầm. Khi cả hai đi đến khu vực Cầu C, số 5 đường TN – CM thì V dừng xe lại và bảo T trích mỗi người một ít từ gói ma túy vừa mua được để sử dụng, phần còn lại của T không sử dụng hết T gói lại thành gói riêng cất ở túi quần. Sau khi sử dụng ma túy xong, V và T đi về thành phố BK, đến khu vực tổ N, phường X, thành phố BK thì bị tổ công tác Công an thành phố Bắc Kạn bắt quả tang.

Hoàng Văn V khai nhận số ma túy bị thu giữ trên người T là của V đã dùng tiền của mình mua với người đàn ông không quen biết tại thành phố TN với số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), việc V nhờ T cầm ma túy sau khi mua là do V là người điều khiển xe, V cũng nói sẽ cho T sử dụng ma túy cùng, ngoài ra không có mục đích khác.

Tại kết luận giám định số 67/KTHS – MT, ngày 12/4/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì M1 là ma túy, loại heroine, có khối lượng 3,36g (Ba phẩy ba sáu gam); Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì M3 là ma túy, loại heroine, có khối lượng 0,05g (Không phẩy không năm gam). Như vậy, tổng khối lượng chất ma túy là 3,41g (Ba phẩy bốn một gam).

Tại bản cáo trạng số: 40/CT - VKSTPBK, ngày 09 tháng 8 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với các bị cáo Hoàng Văn V và Hoàng Đình T đều về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1, điều 249/ BLHS.

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a)...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR – 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Tại phiên toà: * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T và bị cáo V.

- Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn V và Hoàng Đình T đều phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58/BLHS đối với cả hai bị cáo, đề nghị:

Xử phạt: + bị cáo T từ 15 tháng đến 18 tháng tù; bị cáo V từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

+ Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với cả hai bị cáo V, T.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS: tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị gồm: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T67, 01 phong bì niêm phong ký hiệu M2, 01 phong bì niêm phong ký hiệu M4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar của V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel của T: đều là phương tiện phạm tội, tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

* Bị cáo V và bị cáo T đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như viện kiểm sát đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 06/4/2019 tại khu vực tổ N, phường X, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Hoàng Văn V và Hoàng Đình T đã có hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp 3,41g (Ba phẩy bốn một gam) chất ma túy (loại heroine). Mục đích Hoàng Văn V và Hoàng Đình T tàng trữ trái phép chất ma túy là phục vụ nhu cầu sử dụng chất ma túy của bản thân; ngoài ra không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử các bị cáo Hoàng Văn V và Hoàng Đình T đều về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1, điều 249/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của các bị cáo thấy: Hoàng Văn V là người chủ mưu, khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc phạm tội, Hoàng Đình T là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội. Đồng phạm giản đơn. Do đó khi quyết định hình phạt cũng phải xem xét phù hợp, tương xứng với vai trò của từng bị cáo theo quy định của pháp luật.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Đối với bị cáo V: không có tiền án, tiền sự, tuy nhiên nhân thân xấu: Năm 2003 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 55/QĐ – UB, ngày 23/01/2003 của UBND thị xã BK. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, mẹ đẻ của bị cáo là bà Phạm Thị H được tặng thưởng huy chương vì sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam - theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Đối với bị cáo T: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, bố mẹ đẻ của bị cáo là ông Hoàng Duy B và bà Dương Thị L đều được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến - theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Vật chứng: - 01 (một) phong bì niêm phong kí hiệu T67, mặt trước phong bì có dòng chữ “vụ: Hoàng Đình T (1974) và Hoàng Văn V (1977) tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau có 03 (Ba) chữ ký không đọc được và 02 (Hai) dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong kí hiệu M2 mặt trước phong bì có dòng chữ “phong bì và giấy gói cũ ký hiệu A1 lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau có 02 (Hai) dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn và 08 (Tám) chữ ký của những người tham gia niêm phong, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong kí hiệu M4 mặt trước phong bì có dòng chữ “phong bì và giấy gói cũ ký lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau có 02 (Hai) dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn và 08 (Tám) chữ ký của những người tham gia niêm phong, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn: tất cả không có giá trị, tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar vỏ màu đen, đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có 01 sim Viettel số thuê bao 0984547596, có số IMEI: 352242120319522 của Hoàng Văn V; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel vỏ màu đỏ đen, đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có 01 sim Viettel số thuê bao 0347442828, có số IMEI: 357615049357530 của Hoàng Đình T: Đều là phương tiện phạm tội, tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 97B1 - 283.94, quá trình điều tra xác minh được chiếc xe mô tô này là tài sản chung của anh Bé Ngọc P và chị Lương Thị L, khi chị L cho Hoàng Văn V mượn xe thì chị L không biết mục đích V mượn xe đi đâu làm gì. Việc Hoàng Văn V sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội thì chị L không biết, Quá trình điều tra, anh P đã ủy quyền cho chị L có toàn quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến chiếc xe, nên ngày 04/6/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị L là có căn cứ.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo V khai mua với một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể tại thành phố TN với số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), quá trình điều tra không xác định được danh tính của người đàn ông này nên không có căn cứ để xử lý.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định hai bị cáo không có điều kiện để đảm bảo cho việc thi hành án, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo V và bị cáo T.

Hai bị cáo V, T phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Văn V và Hoàng Đình T đều phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58/BLHS.

Xử phạt: Hoàng Văn V: 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

* Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58/BLHS.

Xử phạt: Hoàng Đình T: 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

* Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong kí hiệu T67, mặt trước phong bì có dòng chữ “vụ: Hoàng Đình T (1974) và Hoàng Văn V (1977) tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau có 03 (Ba) chữ ký không đọc được và 02 (Hai) dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong kí hiệu M2 mặt trước phong bì có dòng chữ “phong bì và giấy gói cũ ký hiệu A1 lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau có 02 (Hai) dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn và 08 (Tám) chữ ký của những người tham gia niêm phong, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong kí hiệu M4 mặt trước phong bì có dòng chữ “phong bì và giấy gói cũ ký lưu hồ

sơ vụ án”, mặt sau có 02 (Hai) dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn và 08 (Tám) chữ ký của những người tham gia niêm phong, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar vỏ màu đen, đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có 01 sim Viettel số thuê bao 0984547596, có số IMEI: 352242120319522 của Hoàng Văn V; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel vỏ màu đỏ đen, đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có 01 sim Viettel số thuê bao 0347442828, có số IMEI: 357615049357530 của Hoàng Đình T.

* Về án phí: Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo V, T - mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSTPBK: 2
- CATPBK: 2
- Bị cáo: 2
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang